HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2135/KH-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Đánh giá, sơ kết việc tổ chức thi hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Thường trực HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá, sơ kết việc tổ chức thi hành các nghị quyết quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là nghị quyết) của HĐND tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Đánh giá tình hình tổ chức thi hành và kết quả thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh có hiệu lực thi hành; làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, qua đó kịp thời xác định những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới.

1.2. Cung cấp thông tin, cơ sở thực tiễn phục vụ hoạt động giám sát, xem xét, quyết định của HĐND, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh; làm cơ sở để UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật của địa phương, góp phần bảo đảm hệ thống văn bản do tỉnh ban hành đầy đủ, đồng bộ, phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Việc sơ kết phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, khách quan, thực chất đối với các nghị quyết thuộc phạm vi; đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và tác động thực tế của nghị quyết, gắn với điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương; bảo đảm tính kế thừa, liên tục giữa các kỳ sơ kết.

2.2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan; khai thác, sử dụng các thông tin, số liệu, kết quả kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành pháp luật đã có, hạn chế trùng lặp, hình thức và phát sinh thêm thủ tục báo cáo.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, SƠ KẾT HẰNG NĂM

1. Phạm vi đánh giá, sơ kết

1.1. Đánh giá, sơ kết việc tổ chức thi hành toàn bộ các nghị quyết của HĐND tỉnh đang có hiệu lực tại thời điểm sơ kết.

1.2. Đối với nghị quyết mới ban hành, chưa đủ thời gian đánh giá kết quả thực hiện thì tập trung đánh giá tình hình triển khai, tổ chức thi hành và kết quả bước đầu.

(có danh mục 120 nghị quyết thực hiện đánh giá, sơ kết năm 2026 kèm theo).

2. Nội dung đánh giá, sơ kết

Việc đánh giá được thực hiện đối với từng nghị quyết, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

2.1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành nghị quyết: việc ban hành kế hoạch, văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; việc phân công nhiệm vụ, phối hợp và bảo đảm các nguồn lực, kinh phí, điều kiện cần thiết để thực hiện nghị quyết; công tác đôn đốc, xử lý những vấn đề phát sinh.

2.2. Kết quả thực hiện nghị quyết: Kết quả tuyên truyền và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và các nội dung chủ yếu của nghị quyết; mức độ hoàn thành so với yêu cầu, tiến độ, thời hạn, lộ trình; tác động, hiệu quả thực tế đối với lĩnh vực, địa bàn, đối tượng chịu sự tác động; những nội dung chưa đạt, đạt thấp, chậm tiến độ hoặc chưa được triển khai, những nội dung triển khai nhưng không phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, địa phương.

2.3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân: những khó khăn, vướng mắc trong quy định của nghị quyết, pháp luật có liên quan và trong quá trình tổ chức thực hiện; các vấn đề về phối hợp, nguồn lực, kinh phí, nhân lực, thủ tục hành chính và điều kiện bảo đảm; nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.4. Đánh giá kết quả thực hiện kiến nghị, đề xuất, kết luận và các nội dung cần tiếp tục theo dõi của kỳ sơ kết trước: xác định nội dung đã hoàn thành, đang thực hiện, chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ; nguyên nhân, trách nhiệm và hướng xử lý đối với những nội dung còn tồn tại.

2.5. Kiến nghị, đề xuất: về việc tiếp tục tổ chức thực hiện; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới nghị quyết và các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

(Lưu ý: việc đánh giá, sơ kết từng nghị quyết phải có số liệu, kết quả cụ thể; không đánh giá chung chung, định tính).

III. THỜI GIAN, PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

1.1. Việc tổ chức đánh giá, sơ kết được thực hiện định kỳ vào tháng 11, 12 hằng năm, bắt đầu thực hiện từ năm 2026.

1.2. Thời điểm đánh giá số liệu, kết quả thực hiện: thông tin, số liệu được tổng hợp từ thời điểm nghị quyết được ban hành đến 10/11 hằng năm; đối với các kỳ sơ kết tiếp theo, phải tổng hợp, đồng thời tách rõ kết quả, số liệu đã được đánh giá tại kỳ sơ kết trước và kết quả, số liệu phát sinh trong kỳ sơ kết tiếp theo.

2. Phương thức và tiến độ thực hiện

2.1. Bước 1: Các sở, ban, ngành thực hiện sơ kết

a) Từng sở, ban, ngành hoặc một số sở, ban, ngành có lĩnh vực phụ trách có liên quan với nhau tổ chức sơ kết chung toàn bộ các nghị quyết đang có hiệu lực do cơ quan mình tham mưu ban hành.

Đối với nghị quyết có nội dung liên quan đến nhiều sở, ban, ngành, cơ quan được giao chủ trì sơ kết có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu thập thông tin, số liệu, đánh giá kết quả thực hiện**.**

Hình thức thực hiện: thông qua cuộc họp, hội nghị sơ kết chuyên đề hoặc gắn với các cuộc họp, hội nghị về chuyên môn; các sở, ban, ngành có trách nhiệm mời các Ban của HĐND tỉnh có liên quan và các cơ quan phối hợp tham dự. Trường hợp nội dung đã rõ, các sở, ban, ngành có thể sơ kết bằng văn bản.

(có danh mục nghị quyết thực hiện sơ kết và hình thức sơ kết kèm theo).

b) Tiến độ thực hiện: tổ chức sơ kết và báo cáo sơ kết trước ngày 15/11 hằng năm.

2.2. Bước 2: Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh tổ chức sơ kết

a) Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND tỉnh chỉ đạo, tổng hợp xây dựng báo cáo chung về sơ kết toàn bộ các nghị quyết của HĐND tỉnh đang có hiệu lực thi hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 25/11 hằng năm.

b) Các Ban của HĐND tỉnh tổng hợp, báo cáo về các nghị quyết thuộc lĩnh vực tham mưu theo dõi, gửi Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo chung, trước ngày 05/12 hằng năm.

c) Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết trước ngày 15/12 hằng năm.

Việc tổ chức sơ kết có thể được kết hợp với các nội dung giao giữa Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo Quy chế phối hợp hoặc kết hợp với các nội dung khác.

d) Thường trực HĐND tỉnh ban hành Thông báo về kết quả sơ kết, trước ngày 25/12 hằng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND tỉnh

1.1. Hằng năm, chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện sơ kết và báo cáo kết quả sơ kết thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh do các sở, ngành tham mưu xây dựng, trình ban hành, bảo đảm thời gian, tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

1.2. Tổng hợp kết quả sơ kết của các sở, ban, ngành, xây dựng Báo cáo tổng hợp chung của UBND tỉnh;

1.3. Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh tổ chức hội nghị đánh giá, sơ kết việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh theo tiến độ thời gian tại Kế hoạch này.

1.4. Chỉ đạo các sở, ban, ngành tham mưu triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND tỉnh sau sơ kết.

2. Các Ban của HĐND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

2.1. Các Ban của HĐND tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao phụ trách, rà soát, xác định đầy đủ các nghị quyết thuộc phạm vi theo dõi, giám sát của Ban để thực hiện đánh giá, sơ kết, gửi Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp.

b) Tổ chức khảo sát, giám sát hoặc các hoạt động thu thập, đánh giá thông tin cần thiết để phục vụ việc sơ kết, nhất là đối với những nội dung có khó khăn, vướng mắc, kết quả thực hiện chưa rõ, chưa đạt yêu cầu hoặc có vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

c) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, số liệu, tổ chức đánh giá, sơ kết các nghị quyết thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

d) Tham dự các hoạt động sơ kết của các sở, ban, ngành và cuộc làm việc giữa Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết thuộc phạm vi phụ trách của Ban, gửi báo cáo của Ban và các tài liệu, số liệu có liên quan về Ban Pháp chế để tổng hợp chung theo thời gian quy định, phục vụ làm việc của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh.

e) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị, kết luận sau sơ kết thuộc lĩnh vực phụ trách và tổng hợp kết quả thực hiện gửi Ban Pháp chế để phục vụ kỳ sơ kết tiếp theo.

2.2. Ban Pháp chế HĐND tỉnh

Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch, có các trách nhiệm sau:

a) Hằng năm, tham mưu cho Thường trực HĐND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện sơ kết các nghị quyết của HĐND tỉnh;

b) Trên cơ sở danh mục nghị quyết do các Ban của HĐND tỉnh rà soát, tổng hợp, Ban Pháp chế HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh xác định, lập danh mục nghị quyết thực hiện đánh giá, sơ kết trong năm, gửi UBND tỉnh và các sở, ban, ngành để triển khai thực hiện.

c) Trên cơ sở Báo cáo các Ban của HĐND tỉnh về đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo chung và dự thảo Thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh sơ kết việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh phục vụ cho làm việc với UBND tỉnh.

d) Trên cơ sở kết quả làm việc của Thường trực HĐND tỉnh với UBND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh tổng hợp, tham mưu cho Thường trực HĐND tỉnh ban hành Thông báo kết luận nội dung sơ kết, gửi UBND tỉnh và các sở, ban, ngành để triển khai thực hiện.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm 2.1 Khoản này.

2.3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

Phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh tham mưu, phục vụ Thường trực HĐND tỉnh trong việc triển khai Kế hoạch; chuẩn bị các điều kiện phục vụ hội nghị sơ kết và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND cấp xã

3.1. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc phạm vi, lĩnh vực được giao; chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu, tài liệu có liên quan phục vụ việc đánh giá, sơ kết.

3.2. Phối hợp với các sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức sơ kết; phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh trong hoạt động khảo sát, giám sát phục vụ sơ kết; UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu và phối hợp thực hiện các yêu cầu phục vụ đánh giá, sơ kết đối với những nội dung được triển khai trên địa bàn.

3.3. Thực hiện các kiến nghị, kết luận sau sơ kết thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Pháp chế HĐND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, BPC.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyên